

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời, hoạt động vận tải trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Quyết định này không áp dụng đối với xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, bão, lũ, phục vụ thu dọn vệ sinh đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 2. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời**

**1. Xe vệ sinh môi trường**

a) Trong đô thị được phép hoạt động từ 19 giờ 00 phút ngày hôm trước đến 06 giờ 00 phút ngày hôm sau.

b) Ngoài đô thị được phép hoạt động 24/24 giờ hằng ngày.

c) Trường hợp đặc biệt hoạt động ngoài khung giờ tại điểm a khoản 1 Điều này phải được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về vận tải cho phép theo đúng quy định.

2. Xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời

a) Trong đô thị không được hoạt động vào các khung giờ cao điểm hằng ngày (buổi sáng từ 06 giờ 00 phút đến 07 giờ 30 phút, buổi chiều từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 00 phút).

b) Ngoài đô thị được phép hoạt động 24/24 giờ hằng ngày.

c) Trường hợp đặc biệt hoạt động trong khung giờ tại điểm a khoản 2 Điều này phải được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về vận tải cho phép theo đúng quy định.

### **Điều 3. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị**

1. Hoạt động vận tải hành khách phải đúng tuyến đường đô thị, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định. Trường hợp tuyến đường cấm ô tô khách hoạt động thì đơn vị vận tải phải chủ động đề xuất với Sở Xây dựng để có phương án điều chỉnh lộ trình cho phù hợp.

2. Việc dừng, đón, trả khách du lịch tại các bến xe, khu du lịch, điểm du lịch thì thực hiện theo quy định của tổ chức, đơn vị quản lý bến xe, khu du lịch, điểm du lịch đó.

3. Hành khách được vận chuyển theo hợp đồng phải tập trung tại vị trí nhất định trong khi chờ xe đón khách; các điểm dừng, đỗ, đón, trả khách phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển khách.

4. Xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hàng hóa hoạt động kinh doanh vận tải không chở hàng hóa cồng kềnh, quá tải trọng, không chở quá số người cho phép chở trên xe, không gây cản trở, mất an toàn giao thông khi tham gia giao thông.

5. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong trường hợp tạm thời cấm phương tiện hoạt động trên tuyến đường có lộ trình đi qua để phục vụ mục đích khác.

### **Điều 4. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị**

Tỷ lệ phần trăm (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, theo lộ trình như sau: Từ năm 2026 đến hết năm 2030,



đạt tỷ lệ có tối thiểu 05% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật; từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 01% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật; sau năm 2035, đạt tỷ lệ tối thiểu 20% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2026.
2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:
  - a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;
  - b) Bãi bỏ số thứ tự 114 mục XIII Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Như Điều 5;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: Lãnh đạo VP, CVNCTH;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị (đăng Công báo);
- Lưu: VT, NC, CAT. *lb*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phan Huy Ngọc**